

Số: /CT-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

## CHỈ THỊ

### Về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2027

Năm 2026, tình hình thế giới tiếp tục biến động phức tạp, khó lường; đặc biệt là xung đột tại Trung Đông tác động trực tiếp đến vận tải biển, chuỗi cung ứng và giá năng lượng toàn cầu; khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo phát triển mạnh mẽ, mang lại cả cơ hội và thách thức đối với các quốc gia. Ở trong nước, Bộ Chính trị tiếp tục ban hành các Nghị quyết đột phá chiến lược, Chính phủ ban hành nhiều chính sách mạnh, vượt trội để ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đảm bảo các cân đối lớn, giải phóng sức sản xuất, tạo động lực tăng trưởng 2 con số.

Năm 2027 là năm thứ hai triển khai Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030, là năm bản lề củng cố nền tảng để hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng 2 con số; để tổ chức thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 12/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2027, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan khẩn trương xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2027 với các yêu cầu, nhiệm vụ chủ yếu như sau:

#### I. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2027

##### 1. Về yêu cầu xây dựng kế hoạch

##### 1.1. Đối với đánh giá Kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2026

a) Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng theo các nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị; các nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ; quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; các nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ và HĐND các cấp về phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

b) Đánh giá thực chất, khách quan, trung thực, sát thực tiễn về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, bao gồm: các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2026; phân tích, đánh giá kết quả đạt được; những tồn tại, hạn chế, trong đó phân tích kỹ các nguyên nhân chủ quan và khách quan; xác định các nhiệm vụ,

giải pháp trọng tâm, đột phá trong những tháng cuối năm để hoàn thành kế hoạch năm 2026.

### **1.2. Đối với xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027**

a) Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027 phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá đầy đủ, chính xác, khách quan tình hình, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch năm 2026 và dự báo tình hình thế giới, trong nước, trong tỉnh năm 2027; chủ động phương án, kịch bản, giải pháp có trọng tâm, trọng điểm, hướng tới tăng trưởng nhanh, bền vững, mang lại lợi ích cho người dân, doanh nghiệp.

b) Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phải bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, nhất là Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh; có tính phấn đấu cao, đảm bảo tính khả thi, phù hợp với khả năng thực hiện của các cấp, các ngành, gắn với khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; đồng thời, đảm bảo “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả” và lượng hóa được.

Định hướng phát triển tập trung vào: Tăng trưởng hai con số; xác lập mô hình tăng trưởng mới lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số làm động lực chính; nâng cao năng suất, sức cạnh tranh của nền kinh tế; đẩy mạnh triển khai các đột phá chiến lược; tăng cường hội nhập quốc tế; bảo đảm an sinh xã hội, phát triển văn hóa - xã hội và giữ vững quốc phòng - an ninh.

c) Kế hoạch của các ngành, địa phương, đơn vị phải phù hợp với định hướng, chiến lược, quy hoạch của Trung ương và của tỉnh; phù hợp với đặc điểm, trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương; bám sát dự báo, đánh giá tình hình, bối cảnh quốc tế, trong nước và trong tỉnh trong thời gian tới; đồng thời, đảm bảo kế thừa, phát huy những thành quả đã đạt được, có đổi mới và tiếp thu, tiếp cận xu hướng phát triển chung của khu vực và thế giới, cũng như khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

d) Việc đề xuất các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực phải: (i) Thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; trường hợp chỉ tiêu đề xuất không thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia phải có định nghĩa, khái niệm, phương pháp tính rõ ràng, phù hợp với quy định, bảo đảm tính chính xác, đồng bộ, thống nhất về thông tin, số liệu thống kê trên phạm vi cả nước, phục vụ tốt công tác theo dõi, đánh giá và xây dựng kế hoạch; bảo đảm nguồn lực thực hiện trên nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả; (ii) Bảo đảm khả năng thu thập thông tin, theo dõi liên tục, đánh giá định kỳ; không đề xuất các chỉ tiêu chuyên ngành phức tạp, chủ yếu phục vụ mục đích nghiên cứu; (iii) Bảo đảm tính khả thi, có khả năng so sánh với dữ liệu quá khứ; (iv) Bảo đảm tính gắn kết chặt chẽ và phản ánh trực tiếp tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu; (v) Phù hợp với hệ thống chỉ tiêu về kinh

tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 tại Kết luận số 18-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX.

đ) Việc tổ chức xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027 phải bảo đảm tính đồng bộ, hệ thống, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, các cấp, các ngành, các địa phương và tổ chức lấy ý kiến rộng rãi.

## **2. Nội dung chủ yếu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027**

Các ngành, địa phương, đơn vị căn cứ yêu cầu nêu trên, xây dựng báo cáo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027 với các nội dung chủ yếu sau:

### **2.1. Đánh giá thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026**

Trên cơ sở tình hình, kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm, các ngành, địa phương, đơn vị tổ chức đánh giá và ước thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 trên tất cả các ngành, lĩnh vực được phân công theo dõi, quản lý. Nội dung đánh giá phải đầy đủ, thực chất, chính xác các kết quả đạt được (đặc biệt cần nêu rõ thành tựu nổi bật, thành tựu mới; so sánh với kết quả thực hiện năm 2025); những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân cụ thể để có biện pháp khắc phục; từ đó rút ra bài học kinh nghiệm trong thực hiện kế hoạch năm 2027. Cụ thể:

a) Đánh giá bối cảnh, tình hình quốc tế, trong nước, trong tỉnh; yếu tố thuận lợi và khó khăn tác động việc hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 (trong đó có tác động của xung đột tại khu vực Trung Đông).

b) Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao, đánh giá đầy đủ các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ, các Nghị quyết đột phá, chiến lược của Bộ Chính trị<sup>1</sup>, Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 06/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh<sup>2</sup>, Nghị quyết số 696/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh<sup>3</sup>, Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 17/01/2026 của UBND tỉnh<sup>4</sup>, Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 07/01/2026 của UBND tỉnh<sup>5</sup>. Đồng thời, báo cáo đầy đủ việc thực hiện các chỉ tiêu được giao tại Phụ lục kèm theo.

Trong đó, tập trung đánh giá một số vấn đề trọng tâm sau:

- Tình hình lập, trình phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa; điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Thanh Hóa đến năm 2040; điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế Nghi Sơn đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2060;

<sup>1</sup> Gồm: 57-NQ/TW ngày 22/12/2024, 59-NQ/TW ngày 24/01/2025, 66-NQ/TW ngày 30/4/2025, 68-NQ/TW ngày 4/5/2026, 70-NQ/TW ngày 30/8/2025, 71-NQ/TW ngày 22/8/2025, 72-NQ/TW ngày 9/9/2025, 79-NQ/TW ngày 6/1/2026, 80-NQ/TW ngày 7/1/2026, 10-NQ/TW ngày 8/6/2026.

<sup>2</sup> Về phương hướng, nhiệm vụ năm 2026.

<sup>3</sup> Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026.

<sup>4</sup> Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2026.

<sup>5</sup> Về việc ban hành Chương trình công tác năm 2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và nông thôn; việc rà soát, điều chỉnh những nội dung bất cập, chưa thống nhất giữa các loại quy hoạch, tạo thuận lợi cho thu hút đầu tư.

- Các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống và thúc đẩy mạnh mẽ các động lực mới như kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho người dân, doanh nghiệp để phát triển mạnh mẽ sản xuất, kinh doanh. Kết quả phát triển các ngành kinh tế thuộc khu vực: nông, lâm nghiệp và thủy sản, công nghiệp - xây dựng, dịch vụ.

- Tình hình triển khai, kết quả thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh; tổng rà soát hệ thống pháp luật.

- Công tác cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Kết quả xếp hạng năm 2025 các chỉ số: PCI, BPI, PAR Index, SIPAS. Đổi mới, nâng cao hiệu quả xúc tiến đầu tư theo hướng trọng tâm, trọng điểm; đẩy mạnh liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong tỉnh để tiếp nhận công nghệ và tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Việc hỗ trợ nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện sớm hoàn thành, đưa vào hoạt động các dự án sản xuất kinh doanh, dịch vụ, du lịch trong năm 2026, góp phần tăng năng lực sản xuất để đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng của tỉnh.

- Kết quả thực hiện các biện pháp quản lý thu, chống thất thu, giảm nợ đọng thuế; quản lý chặt chẽ việc sử dụng chi ngân sách nhà nước để tập trung nguồn lực phục vụ cho đầu tư phát triển và các nhiệm vụ cấp bách.

- Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ “điểm nghẽn” về GPMB và nguồn cung, giá vật liệu xây dựng để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2026. Kết quả rà soát, phân loại và thực hiện hiệu quả từng nhóm giải pháp để tháo gỡ khó khăn các dự án tồn đọng, kéo dài.

- Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ, hiện đại; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình giao thông lớn, trọng điểm tạo thành mạng lưới giao thông hợp lý, kết nối thuận lợi trong và ngoài tỉnh, kết nối các vùng, trung tâm kinh tế động lực. Phát triển hạ tầng khu kinh tế, KCN, CCN, hạ tầng đô thị, hạ tầng du lịch, hạ tầng điện, hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển đô thị xanh, thông minh, hiện đại, thân thiện với môi trường... Tình hình triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 30/8/2025 của Bộ Chính trị về đảm bảo an ninh năng lượng.

- Tình hình triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/1/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước; kết quả phát triển doanh nghiệp và các giải pháp phát triển doanh nghiệp, phát triển kinh tế tư nhân thành một trong những động lực quan trọng nhất cho tăng trưởng.

- Đánh giá công tác sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; hiệu quả phân cấp, phân quyền cho cấp xã; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; xử lý tài sản công dư thừa sau sắp xếp; triển khai Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương<sup>6</sup> và Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 08/4/2026 của Chính phủ về hoàn thiện tổ chức bộ máy.

- Kết quả công tác quản lý, sử dụng tài nguyên; ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu; bảo vệ môi trường; huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực đất đai, tài nguyên, khoáng sản. Tiên độ triển khai công tác xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; chiến dịch làm giàu, làm sạch dữ liệu đất đai. Công tác xử lý rác thải; tiến độ thực hiện các dự án xử lý chất thải; việc kiểm soát ô nhiễm môi trường đối với các trang trại chăn nuôi, cơ sở sản xuất.

- Tình hình triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số; kết quả phát triển Chính phủ số, thực hiện Đề án 06, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Đánh giá kết quả đổi mới, nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế; tình hình triển khai và kết quả thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị: Số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, số 80-NQ/TW ngày 07/1/2026 về phát triển văn hóa Việt Nam; tình hình triển khai thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2026 - 2030 về: (i) Nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển vùng dân tộc thiểu số; (ii) Hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; (iii) Chăm sóc sức khỏe dân số và phát triển văn hóa.

- Kết quả thực hiện các chương trình, chính sách giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội; thực hiện Đề án xây dựng 01 triệu căn nhà ở xã hội năm 2026; công tác hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và Chiến dịch 500 ngày đêm thực hiện tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ.

- Kết quả công tác củng cố, tăng cường quốc phòng, bảo đảm an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; công tác đấu tranh, ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, sản xuất hàng giả, hàng kém chất lượng; tăng cường phòng cháy chữa cháy, bảo đảm an toàn giao thông. Tình hình thực hiện Chương trình MTQG về phòng chống ma túy đến năm 2030.

- Kết quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế và tình hình triển khai Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/1/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; công tác thúc đẩy ngoại giao kinh tế, trọng tâm là ngoại giao công nghệ, ngoại giao đa phương.

c) Các xã, phường (sau sắp xếp) căn cứ hướng dẫn có liên quan và tình

<sup>6</sup> Về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới.

hình thực tế của địa phương để đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của địa phương mình.

## **2.2. Về dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027**

Các ngành, địa phương, đơn vị cần nghiên cứu, xác định các vấn đề cơ bản, cốt lõi của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027, tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

a) Đánh giá bối cảnh xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027, bao gồm nhận định, phân tích cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của bối cảnh quốc tế, trong nước, trong tình tác động đến thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2027.

b) Mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2027.

c) Xác định các chỉ tiêu chủ yếu, bảo đảm phù hợp với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ cấp xã và Kết luận số 18-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và phù hợp với thực tiễn.

d) Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu năm 2027 đảm bảo thống nhất với định hướng phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030; đồng thời, phải phù hợp với trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương, đơn vị. Trong đó:

- Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2027 và kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026 - 2030. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các Nghị quyết đột phá, chiến lược của Bộ Chính trị<sup>7</sup> và Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tạo không gian phát triển mới, khơi thông nguồn lực cho phát triển; lập, trình phê duyệt các quy hoạch xây dựng trên địa bàn; tiếp tục hoàn chỉnh đồng bộ hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách; tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn, để thúc đẩy phát triển toàn diện trên các lĩnh vực.

- Tập trung đẩy mạnh đột phá chiến lược về thể chế và thực thi pháp luật; tổ chức triển khai hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, trọng tâm là pháp luật về đầu tư, kinh doanh; cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

- Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, vận hành hiệu quả chính quyền địa phương 2 cấp. Đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức trên cơ sở tiến độ, chất

<sup>7</sup> Gồm: 57-NQ/TW ngày 22/12/2024, 59-NQ/TW ngày 24/01/2025, 66-NQ/TW ngày 30/4/2025, 68-NQ/TW ngày 4/5/2026, 70-NQ/TW ngày 30/8/2025, 71-NQ/TW ngày 22/8/2025, 72-NQ/TW ngày 9/9/2025, 79-NQ/TW ngày 6/1/2026, 80-NQ/TW ngày 7/1/2026, 10-NQ/TW ngày 8/6/2026...

lượng công việc, thái độ phục vụ và sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức các cấp, nhất là cấp xã.

- Đẩy mạnh chuyên dịch cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, trên cơ sở ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; trọng tâm là:

+ Chuyển mạnh tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong nông nghiệp. Tiếp tục phát triển các vùng sản xuất tập trung, vùng chuyên canh hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao; triển khai nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại tập trung, công nghệ cao, chuỗi giá trị, đảm bảo an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường. Phát triển lâm nghiệp gắn với nâng cao giá trị kinh tế rừng sản xuất kết hợp với phát triển du lịch và kinh doanh tín chỉ các-bon rừng. Phát triển thủy sản trở thành ngành sản xuất hàng hóa lớn, chất lượng cao, hướng mạnh đến xuất khẩu; phát triển mạnh các ngành kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia và quốc phòng - an ninh trên các vùng biển.

+ Phát triển mạnh công nghiệp - xây dựng theo hướng hiện đại; ưu tiên phát triển mạnh công nghiệp chế biến, chế tạo, nhất là các ngành công nghiệp mới nổi, các ngành công nghiệp có hàm lượng phát thải các-bon thấp, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, công nghệ cao để Thanh Hóa sớm trở thành một trong những trung tâm lớn của vùng Bắc Trung bộ và cả nước về công nghiệp chế biến, chế tạo. Tập trung đẩy nhanh tiến độ, sớm đưa vào hoạt động các dự án sản xuất công nghiệp, các dự án đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Phát triển tiêu thụ công nghiệp gắn với khôi phục các nghề truyền thống, nhân cấy nghề mới đối với những sản phẩm có thị trường tiêu thụ tốt. Phát triển ngành xây dựng đạt trình độ cao trong các lĩnh vực thiết kế, xây dựng công trình, vật liệu xây dựng, phát triển đô thị và nhà ở theo hướng đô thị xanh, thông minh. Tháo gỡ khó khăn cho các dự án nhà ở xã hội. Tăng cường quản lý thị trường bất động sản lành mạnh, đúng định hướng.

+ Thực hiện cơ cấu lại ngành dịch vụ dựa trên nền tảng kinh tế số, công nghệ hiện đại và đẩy mạnh xã hội hóa, ưu tiên thu hút phát triển du lịch, dịch vụ logistics, dịch vụ chất lượng cao, giá trị gia tăng lớn. Thúc đẩy kích cầu tiêu dùng nội địa, gắn với phát triển thương mại điện tử; hỗ trợ doanh nghiệp đa dạng, mở rộng thị trường xuất khẩu nhằm giảm thiểu rủi ro từ biến động kinh tế toàn cầu. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án du lịch đang triển khai; thu hút các dự án du lịch có quy mô lớn, dịch vụ mới lạ, hấp dẫn, từng bước đưa Thanh Hóa trở thành một trong các trung tâm lớn về du lịch của cả nước. Phát triển dịch vụ logistics gắn với vận tải đa phương thức. Tiếp tục mở mới các đường bay đi - đến Cảng hàng không Thọ Xuân, trong đó có đường bay quốc tế. Phát triển các dịch vụ tài chính, ngân hàng, viễn thông, công nghệ thông tin theo hướng hiện đại, đa dạng các sản phẩm và tiện ích theo chuẩn quốc tế.

- Tập trung phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, tạo cơ sở thúc đẩy kết nối các vùng, miền, các trung tâm kinh tế động lực, phát huy vai trò cực tăng trưởng mới. Tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và hằng năm, gắn với đánh giá hiệu quả đầu tư; ưu tiên bố trí vốn để hoàn thành các dự án trọng điểm, có tác động lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng Khu kinh tế Nghi Sơn. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 30/8/2025 của Bộ Chính trị về đảm bảo an ninh năng lượng; phát triển hạ tầng dự trữ quốc gia và hạ tầng năng lượng. Đẩy mạnh phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới.

- Đẩy mạnh cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh; duy trì và cải thiện các chỉ số thành phần có xếp hạng tốt, tập trung khắc phục những chỉ số thành phần có xếp hạng thấp của các chỉ số PCI, BPI, PAR Index, SIPAS. Đổi mới mạnh mẽ hoạt động xúc tiến đầu tư; thu hút vốn đầu tư trực tiếp trong nước và nước ngoài có chọn lọc; ưu tiên vận động thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các dự án quy mô lớn, có giá trị gia tăng cao, công nghệ hiện đại, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu, thân thiện với môi trường.

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị: Số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân, số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 về phát triển kinh tế nhà nước và số 10-NQ/TW ngày 08/6/2026 về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Tổ chức triển khai có hiệu quả, kịp thời các chính sách của Trung ương và của tỉnh đã ban hành để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; thực hiện theo cơ chế thị trường, không phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế trong huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực vốn, đất đai, tài nguyên, tài sản, công nghệ, nhân lực, dữ liệu và các nguồn lực tài nguyên khác.

- Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phát triển mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, trở thành động lực đột phá thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh và bền vững; ưu tiên bố trí nguồn lực cho đầu tư phát triển hạ tầng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là hạ tầng số, công nghệ số, cơ sở dữ liệu lớn.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/1/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam. Tăng cường quản lý, bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa; xây dựng lộ trình, từng bước đầu tư hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao; phát triển ngành công nghiệp văn hóa theo hướng hiệu quả, bền vững. Nâng cao thành tích các môn thể thao có thế mạnh, giữ vững vị trí nhóm đầu về thể dục, thể thao của cả nước.

- Phát triển giáo dục, đào tạo theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính ứng dụng, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững, phát triển con người toàn diện. Tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW

ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, duy trì chất lượng giáo dục mũi nhọn trong nhóm đầu cả nước. Tập trung khắc phục triệt để tình trạng thiếu giáo viên ở các cấp học; tăng cường giáo dục và đào tạo trên nền tảng số; đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục.

- Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; tập trung phát triển nhanh các dịch vụ y tế chất lượng cao, kỹ thuật chuyên sâu. Đổi mới mạnh mẽ y tế cơ sở; nâng cao năng lực hệ thống y tế dự phòng; đẩy mạnh xã hội hoá dịch vụ y tế, khuyến khích, tạo điều kiện cho hoạt động đầu tư của tư nhân, hợp tác công tư trong lĩnh vực y tế. Huy động tối đa các nguồn lực đầu tư cho cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, chế độ, chính sách đối với người có công; hỗ trợ những người yếu thế khắc phục khó khăn, ổn định cuộc sống. Đẩy mạnh các giải pháp phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN; triển khai đồng bộ các biện pháp, khắc phục cơ bản tình trạng nợ đóng BHXH trong các doanh nghiệp. Thực hiện tốt công tác dân tộc, tôn giáo, góp phần tăng cường đoàn kết, giữ vững ổn định xã hội trên địa bàn.

- Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên; tăng cường công tác bảo vệ môi trường tại các khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo sớm thiên tai; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai trên địa bàn.

- Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp có dấu hiệu tiêu cực, gây khó khăn, phiền hà trong thực thi công vụ theo quy định; kịp thời động viên, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc. Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/1/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Tiếp tục duy trì, làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác với các tỉnh, thành phố nước ngoài, các nhà đầu tư, tổ chức quốc tế. Kết hợp chặt chẽ giữa công tác đối ngoại với xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tại nước ngoài; chú trọng nâng cao hiệu quả công tác thông tin đối ngoại.

- Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Chủ động đấu tranh, trấn áp các loại tội phạm; thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm an toàn giao thông và phòng, chống cháy nổ.

## **II. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2027**

### **1. Về dự toán thu NSNN**

Dự toán thu NSNN năm 2027 phải được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, đảm bảo bao quát, thu đúng, thu đủ và kịp thời các nguồn thu vào NSNN; đánh giá sát khả năng thực hiện thu NSNN năm 2026, có tính toán, lượng hóa cụ thể các yếu tố tăng giảm, dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật về ngân sách, thuế, phí, lệ phí và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế, dự báo tình hình kinh tế, tài chính thế giới và trong nước.

Phần đầu dự toán thu nội địa năm 2027 (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế) bình quân cả tỉnh tăng khoảng 13 - 15% so với đánh giá ước thực hiện năm 2026 (đã loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách), mức tăng trưởng tại từng xã, phường phù hợp với tăng trưởng kinh tế và nguồn thu phát sinh trên địa bàn. Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu năm 2027 tăng bình quân khoảng 5 - 7% so với đánh giá ước thực hiện năm 2026.

Toàn bộ số thu từ khai thác, xử lý tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (bao gồm cả thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng), thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp sau khi trừ đi các chi phí có liên quan theo quy định của pháp luật được tổng hợp đầy đủ và thực hiện nộp NSNN theo đúng quy định của pháp luật.

## **2. Về dự toán chi NSNN**

Trên cơ sở dự toán chi cân đối ngân sách địa phương được xác định theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước và vốn đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 theo các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, dự toán chi ngân sách địa phương tỉnh Thanh Hóa được xây dựng đảm bảo các yêu cầu sau:

- Đảm bảo tuân thủ: (i) Các mục tiêu, giải pháp về tài chính - NSNN tại Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX; (ii) Các quy định của pháp luật, tăng cường kỷ cương, kỷ luật tài chính; (iii) Các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2026 - 2030, Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026 - 2030, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh; (iv) Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 và phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2027, ổn định đến năm 2030, tỉnh Thanh Hóa.

- Có đầy đủ căn cứ chính trị, pháp luật, thực tiễn, cơ sở tính toán rõ ràng, lộ trình triển khai, kết quả dự kiến đạt được, đảm bảo khả thi, hiệu quả; gắn kết chặt chẽ với quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực. Yêu cầu triệt để tiết kiệm, cắt giảm các nội dung, nhiệm vụ chi không cần thiết, đặc biệt là chi hội nghị, hội thảo, đi công tác nước ngoài; giảm dần mức hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện đặt hàng các đơn vị sự nghiệp

công lập có điều kiện và một số doanh nghiệp đặc thù cung cấp dịch vụ công thiết yếu; đấu thầu rộng rãi cung cấp các dịch vụ công có tính cạnh tranh.

- Tiếp tục cơ cấu lại chi NSNN để giảm tỷ trọng chi thường xuyên, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển; ưu tiên nguồn lực thực hiện các mục tiêu đột phá, nhiệm vụ chính trị quan trọng được Đảng, Nhà nước quyết định, các Chương trình MTQG, các chính sách an sinh xã hội, an ninh - quốc phòng; dành nguồn phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước để thực hiện điều chỉnh tiền lương và các chính sách an sinh xã hội gắn với mức lương cơ sở.

- Đối với các chính sách, chế độ, các chương trình, nhiệm vụ, đề án, dự án mới, các chủ trương đang trình cấp có thẩm quyền, tuân thủ nghiêm nguyên tắc chỉ ban hành khi đã rà soát tính cần thiết, hiệu lực, hiệu quả, không trùng lặp, có lộ trình triển khai rõ ràng, dự kiến được kết quả thực hiện và trong phạm vi nguồn lực NSNN đã được cơ quan tài chính cân đối, có ý kiến.

- Tổ chức xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, bảo đảm cơ cấu chi hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, ưu tiên các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách; trong đó, rà soát ưu tiên chi khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo đúng quy định pháp luật, chủ trương tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, các kế hoạch, thông báo của cấp có thẩm quyền về đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số.

Ngoài việc thực hiện nghiêm các yêu cầu nêu trên, khi xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương năm 2027 cần lưu ý một số nội dung sau:

#### a) Chi đầu tư phát triển

Kế hoạch đầu tư công năm 2027 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07/02/2025 và Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03/02/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội<sup>8</sup>, Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ<sup>9</sup>, Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 23/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ<sup>10</sup>, Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 12/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ<sup>11</sup>, Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND ngày 27/5/2026 quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công, nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030.

Xây dựng kế hoạch phải phù hợp với quy định của pháp luật, khả năng cân đối của NSNN, gắn với các yêu cầu và kết quả thực hiện, đảm bảo về sự cần thiết, hạch toán kinh tế - xã hội, đánh giá hiệu quả đầu tư, sự phù hợp với quy

<sup>8</sup> Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2026 - 2030.

<sup>9</sup> Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07/02/2025 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03/02/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030.

<sup>10</sup> Về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công gắn với hạch toán kinh tế - xã hội, đánh giá hiệu quả đầu tư; đẩy nhanh tiến độ xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030.

<sup>11</sup> Về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2027.

hoạch có liên quan và khả năng thực hiện, giải ngân khi đăng ký nhu cầu vốn đối với từng dự án, triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, tránh đầu tư phân tán, dàn trải; ưu tiên bố trí cho các nhiệm vụ, dự án thực hiện Chương trình MTQG, dự án quan trọng quốc gia, các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, các chương trình, dự án theo Chương trình hành động của thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, các dự án liên vùng, liên tỉnh, liên xã có tác động lan tỏa, ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội.

Việc bố trí vốn theo đúng nguyên tắc, thứ tự ưu tiên quy định tại Luật Đầu tư công, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 và thứ tự ưu tiên theo Công văn số 8449/BTC-NSNN ngày 19/6/2026 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2027.

Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất: Ưu tiên bố trí vốn để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết: Bố trí toàn bộ cho chi đầu tư phát triển; trong đó, ưu tiên đầu tư cho lĩnh vực y tế; phần còn lại ưu tiên bố trí thực hiện các nhiệm vụ đầu tư phát triển quan trọng, cấp bách khác thuộc đối tượng đầu tư của ngân sách địa phương.

Đối với nguồn bội chi ngân sách địa phương: Theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, bội chi ngân sách địa phương chỉ được sử dụng để đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công được HĐND cấp tỉnh quyết định. Do đó, các đơn vị chỉ được phép đề xuất mức bội chi ngân sách cấp tỉnh khi đáp ứng đủ các quy định và điều kiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn. Đồng thời, thực hiện đánh giá đầy đủ tác động của nợ ngân sách địa phương, nhu cầu huy động vốn cho đầu tư phát triển và khả năng trả nợ trong trung hạn của ngân sách địa phương trước khi đề xuất các khoản vay mới. Đối với các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, các chủ đầu tư chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan để hoàn thiện các thủ tục đầu tư theo quy định, để làm cơ sở bố trí kế hoạch vốn năm 2027; dự kiến khả năng giải ngân của từng khoản vay để xây dựng kế hoạch vay nợ và bội chi ngân sách địa phương cho phù hợp.

#### b) Chi thường xuyên

- Dự toán chi tiền lương, phụ cấp các khoản đóng góp, chế độ, chính sách theo chính sách, chế độ năm 2027 và biên chế về bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp. Trong đó chi tiết số giảm quỹ lương, giảm chi bộ máy gắn với chi lương, chi hoạt động bộ máy, tinh giản biên chế.

- Giảm dần hỗ trợ chi thường xuyên trực tiếp từ NSNN đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở: (i) Nâng cao mức độ tự chủ về tài chính và tổ chức bộ máy; NSNN chỉ hỗ trợ chi thường xuyên đối với đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3, 4 và nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; (ii) Đẩy mạnh việc chuyển đổi cơ chế từ hỗ trợ trực tiếp sang đặt hàng, giao nhiệm

vụ, đấu thầu cung cấp dịch vụ công; (iii) Rà soát, thu gọn đầu mỗi đơn vị sự nghiệp công lập theo yêu cầu của Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Trung ương, các kế hoạch định hướng sắp xếp, tinh gọn bộ máy của Trung ương và Chương trình hành động của Chính phủ triển khai các Kết luận của Trung ương.

c) Khi lập dự toán chi cần cụ thể hóa mức ngân sách nhà nước bố trí cho chương trình, dự án, nội dung, nhiệm vụ phát triển giáo dục - đào tạo và dạy nghề, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phát triển văn hóa, chi công tác xây dựng pháp luật (cả chi đầu tư và chi thường xuyên) theo chủ trương của Đảng, hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ; trong đó, chi tiết các nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và kinh phí tương ứng phục vụ các lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, xây dựng văn bản pháp luật, y tế, văn hóa.

d) Đối với các Chương trình mục tiêu Trung ương bổ sung, Chương trình mục tiêu quốc gia và các Chương trình mục tiêu, chính sách của địa phương: Lập dự toán chi ngân sách nhà nước (đầu tư, thường xuyên) thực hiện từng Chương trình mục tiêu quốc gia phải tuân thủ quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư từng Chương trình mục tiêu quốc gia, Nghị định số 358/2025/NĐ-CP, các quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn NSTW và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện từng Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 và các quy định có liên quan; bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, công khai, minh bạch, không trùng lặp, sát khả năng thực hiện, giải ngân, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách.

đ) Đối với bội chi, kế hoạch vay và trả nợ ngân sách địa phương: Chỉ đề xuất khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về quản lý nợ công và quy định pháp luật khác có liên quan; đồng thời, phải đánh giá toàn diện tác động của nợ ngân sách địa phương, nhu cầu huy động vốn cho đầu tư phát triển và khả năng trả nợ trong trung hạn trước khi quyết định vay mới.

e) Đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài: Căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công, các Nghị định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành; nội dung Hiệp định, thỏa thuận đã và sẽ ký với nhà tài trợ (đối với các Hiệp định sẽ ký, chỉ bao gồm nguồn viện trợ), tiến độ thực hiện văn kiện dự án hoặc khoản viện trợ, cơ chế tài chính (nếu có) được cấp thẩm quyền phê duyệt, các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện lập dự toán từng chương trình, dự án, khoản viện trợ, vốn đối ứng (nếu có), đảm bảo phù hợp với khả năng giải ngân thực tế; chi tiết theo từng nguồn vốn vay, vốn viện trợ nước ngoài, theo lĩnh vực chi, cơ chế giải ngân (thực hiện ghi thu ghi chi hoặc giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước); phân định cụ thể các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương và nguồn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương.

f) Đối với các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: Các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/1/2026 của Bộ Chính trị.

g) Về dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW và kinh phí điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng (phần NSNN đảm bảo), trợ cấp ưu đãi người có công năm 2027: Các sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn cải cách chính sách tiền lương theo quy định.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

#### 1. Giao Sở Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ được giao:

- Hướng dẫn các ngành, địa phương, đơn vị đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, dự toán ngân sách nhà nước năm 2027.

- Chủ trì tổng hợp, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, dự toán ngân sách nhà nước năm 2027 của tỉnh, báo cáo theo quy định.

#### 2. Căn cứ hướng dẫn của Sở Tài chính, các ngành, địa phương, đơn vị:

- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công năm 2026 và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công năm 2027 của ngành, địa phương mình, báo cáo UBND tỉnh và gửi Sở Tài chính theo hướng dẫn của Sở Tài chính tại Công văn số 7724/STC-THQH ngày 26/6/2026.

- Đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2027 của ngành, địa phương mình, báo cáo UBND tỉnh và gửi Sở Tài chính theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 12107/UBND-KTTC ngày 22/6/2026./.

#### **Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- Đảng ủy, UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, THĐT, KTTC. (782.2026)

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hoài Anh**

**Phụ lục:**  
**ƯỚC THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA NĂM 2026 VÀ DỰ KIẾN NĂM 2027**

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2026			Dự kiến năm 2027	Chỉ tiêu thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng <sup>12</sup>	Chỉ tiêu tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX	Cơ quan báo cáo
			Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Đánh giá				
<b>I</b>	<b>VỀ KINH TẾ</b>								
1	Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	%	11% trở lên				x	x	Thông kê tỉnh; Sở Tài chính
-	Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	3,5%				x	x	
-	Khu vực công nghiệp và xây dựng	%	14%				x	x	
	+ Công nghiệp	%	16,4%				x	x	
	Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo	%	16,98%				x		
	+ Xây dựng	%	8,22%				x	x	
-	Khu vực dịch vụ	%	9%				x	x	
	Trong đó:								
	+ Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô...	%	9,81%				x		
	+ Vận tải, kho bãi	%	14,65%				x		
	+ Dịch vụ lưu trú và ăn uống	%	13,28%				x		
	+ Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	%	7,50%				x		
	+ Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ	%	6,8%				x		
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	10,7%				x	x	
2	Cơ cấu các ngành kinh tế	%						x	Thông kê tỉnh; Sở Tài chính
-	Ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	12,2%					x	
-	Công nghiệp - Xây dựng	%	50,7%					x	
-	Dịch vụ	%	31,5%					x	

<sup>12</sup> Tỉnh Thanh Hóa đã dự kiến kế hoạch năm 2026, gửi Bộ Tài chính đề trình Chính phủ giao kế hoạch thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2026			Dự kiến năm 2027	Chỉ tiêu thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng <sup>12</sup>	Chỉ tiêu tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX	Cơ quan báo cáo
			Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Đánh giá				
-	<i>Thuế sản phẩm</i>	%	5,6%				X		
3	GRDP bình quân đầu người	USD	3.920				X	Thống kê tỉnh; Sở Tài chính	
4	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP	%	22%				X	Thống kê tỉnh	
5	Tỷ trọng giá trị tăng thêm công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP	%	29,8%				X	Thống kê tỉnh; Sở Công Thương	
6	Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp bình quân hằng năm (IIP)	%	14%				X	Thống kê tỉnh; Sở Công Thương	
7	Giá trị tăng thêm của ngành chế biến, chế tạo bình quân đầu người (USD)	USD	1.044				X	Thống kê tỉnh; Sở Công Thương	
8	Tăng trưởng bình quân tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	8,1%				X	Thống kê tỉnh; Sở Công Thương	
9	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng	71,5				X	Thống kê tỉnh; Sở Tài chính	
10	Sản lượng lương thực	Triệu tấn	1,5				X	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
11	Tổng giá trị xuất khẩu	Triệu USD	8.500				X	Thống kê tỉnh; Sở Công Thương	
12	Tăng trưởng giá trị kim ngạch xuất khẩu hàng hóa (%)	%	16,4%				X	Thống kê tỉnh; Sở Công Thương	
	<i>Trong đó:</i>								
	- Nhóm nông, lâm, thủy sản	%	11,26%				X		
	- Nhóm công nghiệp, chế biến, chế tạo	%	19,34%				X		
	- Nhóm nhiên liệu, khoáng sản	%	4,67%				X		
13	Tăng trưởng giá trị kim ngạch nhập khẩu	%	4,8%				X	Thống kê tỉnh; Sở Công Thương	

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2026			Dự kiến năm 2027	Chỉ tiêu thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng <sup>12</sup>	Chỉ tiêu tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX	Cơ quan báo cáo
			Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Đánh giá				
14	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn	Tỷ đồng	168.000				X	X	Thông kê tỉnh; Sở Tài chính
	<i>Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân/GRDP</i>	%	43,8%				X		<i>Thông kê tỉnh; Sở Tài chính</i>
15	Hệ số hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR)		5,5					X	Thông kê tỉnh; Sở Tài chính
16	Tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước	%	7% trở lên					X	Sở Tài chính; Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chi cục Hải quan khu vực X
17	Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao	Ha	10.000					X	Sở Nông nghiệp và Môi trường
	<i>Trong đó: diện tích đất sản xuất nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao</i>	<i>Ha</i>	<i>2.000</i>					<i>X</i>	<i>Sở Nông nghiệp và Môi trường</i>
18	Số doanh nghiệp thành lập mới	DN	3.000					X	Sở Tài chính
19	Số doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn	Nghìn DN	24,5				X		Sở Tài chính
20	Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo trong tổng số doanh nghiệp trên địa bàn (%)	%	25%				X		Sở Khoa học và Công nghệ
21	Tăng trưởng điện thương phẩm bình quân	%	8,8%				X		Thông kê tỉnh; Sở Công Thương
22	Tỷ lệ đô thị hóa	%	42%				X	X	Sở Xây dựng
23	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội	%	10%				X	X	Thông kê tỉnh; Sở Tài chính
24	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào GRDP	%	49,5%					X	Thông kê tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2026			Dự kiến năm 2027	Chỉ tiêu thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng <sup>12</sup>	Chỉ tiêu tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX	Cơ quan báo cáo
			Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Đánh giá				
									nghệ
25	Xây dựng nông thôn mới	Xã	Thêm 03 xã đạt chuẩn NTM, 06 xã đạt chuẩn NTM nâng cao và 02 xã đạt chuẩn NTM hiện đại					X	Sở Nông nghiệp và Môi trường
26	Số căn hộ nhà ở xã hội được xây dựng mới	Căn hộ/nhà	900 căn hộ trở lên					X	Sở Xây dựng
27	Tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp văn hóa	%	3 - 5%				X		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
28	Số lượt khách quốc tế	Nghìn lượt khách	937				X		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
<b>II</b>	<b>VỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI</b>								
29	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh (tuổi)	Tuổi	75,1				X		Thống kê tỉnh; Sở Y tế
30	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động	%	27,5%				X	X	Thống kê tỉnh; Sở Nội vụ
31	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	76%					X	Sở Nội vụ
	<i>Trong đó có bằng cấp chứng chỉ</i>	%	<i>31%</i>				X	X	<i>Sở Nội vụ</i>
32	Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới giảm	%	1%				X	X	Sở Nông nghiệp và

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2026			Dự kiến năm 2027	Chỉ tiêu thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng <sup>12</sup>	Chỉ tiêu tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX	Cơ quan báo cáo
			Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Đánh giá				
	bình quân							Môi trường	
33	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia	%	87,2%				X	Sở Giáo dục và Đào tạo	
34	Tỉ lệ lao động có kỹ năng công nghệ thông tin	%	76%				X	Sở Giáo dục và Đào tạo	
35	Tỉ trọng quy mô đào tạo các ngành STEM	%	36%				X	Sở Giáo dục và Đào tạo	
36	Tỉ lệ đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động	%	46%				X	Sở Giáo dục và Đào tạo	
37	Số bác sỹ/1 vạn dân	%	13,5%				X	X	Sở Y tế
38	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	95%				X	X	Sở Y tế
39	Tỉ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe	%	>70%				X		Sở Y tế
40	Chỉ số phát triển con người (HDI)	%	0,752				X		Thông kê tỉnh
41	Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chí an toàn thực phẩm nâng cao	%	12%					X	Sở Y tế
<b>III</b>	<b>VỀ MÔI TRƯỜNG</b>								
42	Tỷ lệ che phủ rừng	%	54,1%					X	Sở Nông nghiệp và Môi trường
43	Tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh	%	98,7%					X	Sở Nông nghiệp và Môi trường
	<i>Trong đó: Tỷ lệ được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế</i>	%	67%					X	
44	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	%	93,7%					X	Sở Nông nghiệp và Môi trường

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2026			Dự kiến năm 2027	Chỉ tiêu thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng <sup>12</sup>	Chỉ tiêu tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX	Cơ quan báo cáo
			Mục tiêu	Ước thực hiện cả năm	Đánh giá				
45	Tỉ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (%)	%	60%				X		Ban Quản lý KKT Nghi Sơn; Sở Nông nghiệp và Môi trường
46	Tỉ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông (%)	%	18,4%				X		Sở Nông nghiệp và Môi trường
47	Tỉ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường (%)	%	91,44%				X		Sở Nông nghiệp và Môi trường
48	Tỉ lệ doanh nghiệp công nghiệp áp dụng giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả (%)	%	36,0%				X		Sở Công Thương
<b>IV</b>	<b>VỀ AN NINH - QUỐC PHÒNG</b>								
49	Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự đạt 80% trở lên	%	80%					X	Công an tỉnh
	<i>Trong đó: Tỷ lệ xã, phường không có ma túy đạt 30%.</i>	%	30%					X	<i>Công an tỉnh</i>
50	Tỷ lệ xã, phường có lực lượng dân quân thường trực	%	100%					X	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh